

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *106* /QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày *25* tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của công chức Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc công bố công khai ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông Vũ Văn Hạnh
2. Ông Phạm Văn Tiến
3. Bà Vũ Thị Ngọc
4. Ông Đỗ Văn Vững
5. Ông Vũ Hữu Dưỡng

- Chức vụ: Chủ tịch
Chức vụ: Phó chủ tịch
Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán
Chức vụ: Công chức Văn phòng
Chức vụ: Chủ tịch MTTQ xã

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2023)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/7/2023 đến hết ngày 24/8/2023.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết



Vũ Thị Ngọc



CHỦ TỊCH

Vũ Văn Hạnh

Các thành viên

Phạm Văn Tiến

Vũ Hữu Dưỡng

Đỗ Văn Vững

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
1	TỔNG SỐ THU	19.202.069.000	22.905.829.310	119,29
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	24.000.000	6.312.159.000	26.300,66
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.131.200.000	3.505.442.385	23,17
3	Thu bổ sung	4.046.869.000	10.016.000.000	247,50
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.046.869.000	2.000.000.000	49,42
	- Bổ sung có mục tiêu		8.016.000.000	
4	Thu chuyển nguồn		3.072.227.925	
II	TỔNG SỐ CHI	18.995.152.000	18.339.486.268	96,55
1	Chi đầu tư phát triển	15.000.000.000	16.130.736.000	107,54
2	Chi thường xuyên	3.995.152.000	2.208.750.268	55,29
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xa: Cẩm Đoài
QUỐC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÀN NĂM					ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN		
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2	
			19.352.069.000	22.905.829.310	6.312.159.000	8.945.000	6.299.643.000	4.199.76
1	Các khoản thu 100%		14.000.000	8.945.000				63.89
1	Phí, lệ phí							
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		150.000.000	6.299.643.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
7	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác		10.000.000	3.571.000				35.71
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		15.131.200.000	3.505.442.385				23.17
1	Các khoản thu phân chia		112.000.000	189.362.385				169.07
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		20.000.000	1.208.385				6.04
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		2.000.000	3.600.000				180.00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		90.000.000	184.554.000				205.06
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		15.019.200.000	3.316.080.000				22.08
2.1	Thu tiền sử dụng đất		15.000.000.000	3.306.420.000				22.04
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước							
2.3	Thuế tài nguyên							
2.4	Thuế giá trị gia tăng		12.800.000	6.088.000				47.56
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		6.400.000	3.572.000				55.81
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)							
IV	Thu chuyển nguồn						3.072.227.925	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.046.869.000		10.016.000.000		247,50
1	Thu bổ sung cần đổi		4.046.869.000		2.000.000.000		49,42
2	Thu bổ sung có mục tiêu				8.016.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



UBND Xã: Cẩm Đại

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÀN						ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX		
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2
		19.292.069.000	15.000.000.000	4.292.069.000	18.339.486.268	16.130.736.000	2.208.750.268	95,06	107,54
	TỔNG CHI								
	Trong đó:								
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				266.662.700		266.662.700		
	Chi dân quân tự vệ				214.103.300		214.103.300		
	Chi trật tự an toàn xã hội				52.559.400		52.559.400		
1	Chi giáo dục	12.861.328.244	12.849.328.244	12.000.000	9.259.785.800			72,00	72,06
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	34.721.250	22.721.250	12.000.000	20.858.000			60,07	91,80
3	Chi y tế								
4	Chi văn hóa, thông tin	39.000.000		39.000.000	8.925.000		8.925.000	22,88	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	17.500.000		17.500.000					
6	Chi thể dục, thể thao								
7	Chi bảo vệ môi trường	19.500.000		19.500.000					
8	Chi các hoạt động kinh tế	33.005.000		33.005.000	250.092.200	250.092.200		757,74	
	Giao thông				250.092.200	250.092.200			
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản								
	Thị chính								
	Thương mại, du lịch								
	Các hoạt động kinh tế khác								
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.508.855.506	2.127.950.506	3.380.905.000	8.414.178.568	6.600.000.000	1.814.178.568	152,74	310,16
10	Chi cho công tác xã hội	296.917.000		296.917.000	118.984.000		118.984.000	40,07	40,07
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác								
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								
	Trợ cấp xã hội								
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng								

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

I- Tình hình thực hiện nhiệm vụ Thu - Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ vào Quyết định số 7425/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ vào Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Doài về việc phê chuẩn phân bổ dự toán sách xã năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Cẩm Doài công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

SỐ TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH (Đ)	Thực hiện	TỶ LỆ %
A-	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	19.352.069.000	22.905.829.310	118,4
A-	CÁC KHOẢN THU	305.200.000	6.511.181.385	2133,4
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	174.000.000	6.312.159.000	3627,7
1	Thu lệ phí	14.000.000	8.945.000	63,9
2	Thu Hoa Lãi Công Sản , đất công điền	150.000.000	75.327.000	50,2
3	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất		6.224.316.000	
4	Thu khác	10.000.000	3.571.000	35,7
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	131.200.000	199.022.385	151,7
1	Thuế thu nhập cá nhân	6.400.000	3.572.000	55,8
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000.000	1.208.385	6,0
3	Lệ phí môn bài	2.000.000	3.600.000	180,0
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	90.000.000	184.554.000	205,1
5	Thuế VAT	12.800.000	6.088.000	47,6
B	Thu tiền sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng	15.000.000.000	3.306.420.000	22,0
C	Thu chuyển nguồn 2022- 2023		3.072.227.925	
	Cải cách tiền lương qua các năm chuyển sang năm 2023		580.017.400	
	Chi hoạt động		892.210.525	
	Chi đầu tư xây dựng		1.600.000.000	
D	Thu bù xung từ ngân sách cấp trên	4.046.869.000	10.016.000.000	247,5
1	Thu bù xung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.046.869.000	2.000.000.000	49,4
2	Thu bù xung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		8.016.000.000	
PHẦN CHI				
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	19.292.069.000	18.339.486.268	
A-	Chi đầu tư phát triển	15.000.000.000	16.130.736.000	107,5
1	Chi thành toán công trình	15.000.000.000	16.130.736.000	107,5

B	CHI THƯỜNG XUYÊN	4.292.069.000	2.208.750.268	51,5
1	CHI UBND+UBND	2.055.500.000	1.257.308.168	61,2
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	1.211.925.000	632.333.000	52,2
	Chi hoạt động	843.575.000	624.975.168	74,1
2	CHI HOẠT ĐỘNG BẢNG	671.996.000	245.133.400	36,5
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	516.996.000	212.366.400	41,1
	Chi hoạt động	155.000.000	32.767.000	21,1
3	HOẠT ĐỘNG BOÀN THỂ	653.409.000	311.737.000	47,7
	Chi hoạt động hội Phụ nữ	98.289.000	51.395.600	52,3
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	79.289.000	41.565.600	52,4
	Chi hoạt động	19.000.000	9.830.000	51,7
	Chi hoạt động hội Nông dân	145.612.000	85.202.900	58,5
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	101.612.000	55.092.900	54,2
	Chi hoạt động	44.000.000	30.110.000	68,4
	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	89.586.000	50.515.500	56,4
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	70.586.000	44.515.500	63,1
	Chi hoạt động	19.000.000	6.000.000	31,6
	Chi hoạt động hội Cựu chiến binh	62.806.000	21.403.800	34,1
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	43.806.000	21.403.800	48,9
	Chi hoạt động	19.000.000		
	Chi hoạt động MTTQ xã	257.116.000	103.219.200	40,1
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	195.116.000	102.169.200	52,4
	Chi hoạt động	62.000.000	1.050.000	1,7
4	CHI CÁC SỰ NGHIỆP	133.005.000	8.925.000	6,7
	Sự nghiệp giáo dục	12.000.000		0,0
	Sự nghiệp VHTT-TDTT	39.000.000	8.925.000	22,9
	Sự nghiệp truyền thanh	17.500.000		0,0
	Sự nghiệp nông, lâm, thủy sản	12.245.000		0,0
	Sự nghiệp môi trường	19.500.000		0,0
	Sự nghiệp giao thông	20.760.000		0,0
	Sự nghiệp y tế	12.000.000		0,0
5	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	296.917.000	118.984.000	40,1
	Đảm bảo xã hội	40.420.000	3.170.000	7,8
	Lương hưu	256.497.000	115.814.000	45,2
6	CHI QUỐC PHÒNG	348.202.000	214.103.300	61,5
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	166.604.000	81.854.400	49,1

	Chi hoạt động	181.598.000	132.248.900	72,8
7	CHI AN NINH TRẬT TỰ	133.040.000	52.559.400	39,5
	Chi con người: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	100.040.000	27.622.800	27,6
	Chi hoạt động	33.000.000	24.936.600	75,6

Bảng giá trị hình thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

Trong 6 tháng đầu năm năm 2023 nguồn thu chủ yếu là lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ nhà đất và nguồn tự cấp ngân sách từ cấp trên.

UBND xã chủ động xây dựng kế hoạch, đơn đốc các khoản thu, tăng cường thu nợ sản phẩm từ ao, triểu và các khoản thu khác về ngân sách xã.

Thực hiện nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm năm 2023 UBND xã đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2023.

Thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ, UBND xã xây dựng kế hoạch thông báo thường xuyên và thanh quyết toán công khai hàng quý các khoản thu chi ngân sách xã các nội dung đã, đang tổ chức thực hiện.

II NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM NĂM 2023

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra đơn đốc các khoản nợ phải thu, chủ động tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND về kế hoạch thu sản phẩm Ao, triểu, đặc biệt là nợ đọng sản phẩm trước 31/12/2022.

1.5.1